

Phu lục 1:

TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

(Kèm theo Báo cáo số /BC-KTTL ngày tháng năm của Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông)

Ngày cập nhật: Ngày 24 tháng 5 năm 2019

| TT  | Công trình/ Khu tưới        | Địa điểm xây dựng (xã) | Dung tích toàn phần (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Hình thức tràn xả lũ | Mức nước (m)                                                              |                                             |            | Dung tích                                            |                                                  | Ghi chú         |
|-----|-----------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------|
|     |                             |                        |                                                       |                      | So với MNDBT (hồ) hoặc MNTK (trạm bơm) thời điểm ngày cập nhật: 24/5/2019 | Mức nước thời điểm lần trước ngày 22/5/2019 | Chênh lệch | Dung tích hiện tại (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%) |                 |
| I   | Huyện Cư Jút                |                        | 12.786,000                                            |                      |                                                                           |                                             | -          | 1.856,830                                            | 14,52                                            |                 |
| 1   | Hồ Đắk Diêr                 | Cư Knia                | 5.920,000                                             | Tự do                | -4,20                                                                     | -4,20                                       | -          | 1.302,40                                             | 22                                               |                 |
| 2   | Hồ Đắk Đrông                | Đắk Đrông              | 3.722,000                                             | Cửa van              | <MNC                                                                      | <MNC                                        | -          | 260,54                                               | 7                                                |                 |
| 3   | Hồ Buôn Buôr                | Tâm thắng              | 298,000                                               | Cửa van              | -3,40                                                                     | -3,40                                       | -          | 89,400                                               | 30                                               |                 |
| 4   | Hồ Cư Pù                    | Nam Dong               | 531,000                                               | Tự do                | Hết nước                                                                  | Hết nước                                    |            |                                                      |                                                  |                 |
| 5   | Hồ Tiểu khu 839             | Đắk Wil                | 216,000                                               | Tự do                | <MNC                                                                      | <MNC                                        |            | 21,60                                                | 10                                               |                 |
| 6   | Hồ Tiểu khu 840             | Đắk Wil                | 633,000                                               | Tự do                | <MNC                                                                      | <MNC                                        |            | 82,29                                                | 13                                               |                 |
| 7   | Hồ Ea Diêr                  | Đắk Đrông              | 316,000                                               | Tự do                | <MNC                                                                      | <MNC                                        |            | 31,60                                                | 10                                               |                 |
| 8   | Hồ Trúc Sơn                 | Trúc Sơn               | 1.150,000                                             | Cửa van              | -6,20                                                                     | -6,20                                       | -          | 69,00                                                | 6                                                |                 |
| 9   | Trạm bơm Ea Pô              | Ea Pô                  |                                                       |                      |                                                                           |                                             |            |                                                      |                                                  |                 |
| II  | Huyện Krông Nô              |                        | 22.818,500                                            |                      |                                                                           |                                             |            | 8.097,520                                            | 35,49                                            |                 |
| 1   | Hồ Buôn Dong                | Quảng Phú              | 211,000                                               | Tự do                | -4,00                                                                     | -4,00                                       | -          | 4,220                                                | 2                                                |                 |
| 2   | Hồ Buôn Lang                | Quảng Phú              | 369,000                                               | Tự do                | -6,50                                                                     | -6,50                                       | -          |                                                      |                                                  |                 |
| 3   | Hồ Đắk Nang                 | Đắk Nang               | 2.697,000                                             | Tự do                | -2,00                                                                     | -2,00                                       | -          | 1.672,140                                            | 62                                               |                 |
| 4   | Hồ Đắk Mhang                | Nam Nung               | 657,000                                               | Tự do                | -1,25                                                                     | -1,30                                       | 0,05       | 492,750                                              | 75                                               |                 |
| 5   | Hồ Buôn R'cấp               | Nam Nung               | 599,000                                               | Tự do                | -3,40                                                                     | -3,20                                       | - 0,20     | 95,840                                               | 16                                               |                 |
| 6   | Hồ Đắk Viêng                | Nam Nung               | 1.017,500                                             |                      | -5,50                                                                     | -5,50                                       | -          |                                                      |                                                  |                 |
| 7   | Hồ Đắk Pok                  | Năm N'Dir              | 856,000                                               | Tự do                | -1,10                                                                     | -1,10                                       | -          | 710,480                                              | 83                                               |                 |
| 8   | Hồ Đắk Hou                  | Năm N'Dir              | 637,000                                               | Tự do                | -1,40                                                                     | -1,40                                       | -          | 554,190                                              | 87                                               |                 |
| 9   | Đắc Rô                      | Đắc Đrô                | 12.510,000                                            | Cửa van              | -12,30                                                                    | -12,30                                      | -          | 3.066,000                                            | 25                                               |                 |
| 10  | Hồ Nam Đà (Đắc Mâm)         | Nam Đà                 | 3.265,000                                             | Tự do                | -3,00                                                                     | -3,40                                       | 0,40       | 1.501,900                                            | 46                                               |                 |
| 11  | Hồ Đắc Tân                  | TT. Đắc Mâm            | 28,200                                                |                      | -3,50                                                                     | -4,00                                       | 0,50       |                                                      |                                                  |                 |
| 12  | Hồ Đắc Rì                   | Tân Thành              | 385,000                                               |                      | -3,00                                                                     | -3,20                                       | 0,20       |                                                      |                                                  |                 |
| 13  | Hồ Đắc Rì 1                 | Tân Thành              |                                                       |                      | -6,50                                                                     | -6,50                                       | -          |                                                      |                                                  |                 |
|     | Trạm Bơm Đắc Rên            | Năm N'Dir              |                                                       |                      |                                                                           |                                             |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | - Trạm bơm số 1             | Năm N'Dir              |                                                       |                      | Kiệt                                                                      | Kiệt                                        |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | - Trạm bơm số 1A            | Năm N'Dir              |                                                       |                      | Kiệt                                                                      | Kiệt                                        |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | - Trạm bơm số 2             | Năm N'Dir              |                                                       |                      | Kiệt                                                                      | Kiệt                                        |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | - Trạm bơm số 3             | Năm N'Dir              |                                                       |                      | Kiệt                                                                      | Kiệt                                        |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | - Trạm bơm số 4             | Năm N'Dir              |                                                       |                      | Kiệt                                                                      | Kiệt                                        |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | - Trạm bơm số 5             | Năm N'Dir              |                                                       |                      | Kiệt                                                                      | Kiệt                                        |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | Trạm bơm Buôn Choách        | Buôn Choách            |                                                       |                      |                                                                           |                                             |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | - Trạm bơm số 1 Buôn Choách |                        |                                                       |                      | 1,60                                                                      | 1,40                                        |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | - Trạm bơm số 2 Buôn Choách |                        |                                                       |                      | 1,70                                                                      | 1,60                                        |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | - Trạm bơm số 3 Buôn Choách |                        |                                                       |                      | 1,80                                                                      | 1,70                                        |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | - Trạm bơm số 4 Buôn Choách |                        |                                                       |                      | 3,00                                                                      | 2,90                                        |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | Trạm bơm D12 Buôn Sưk       | Quảng Phú              |                                                       |                      | 1,20                                                                      | 1,00                                        |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | Trạm bơm Buôn Ktak          | Quảng Phú              |                                                       |                      | Kiệt                                                                      | Kiệt                                        |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | Trạm bơm Buôn chơi          | Đức Xuyên              |                                                       |                      | 0,80                                                                      | 1,50                                        |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | Đập dâng Thanh Sơn          | Nam Xuân               |                                                       |                      | 0,07                                                                      | 0,05                                        | 0,02       |                                                      |                                                  |                 |
|     | Đập dâng Đắc Trung          | Đắc Sôr                |                                                       |                      | 0,40                                                                      | 0,15                                        | 0,25       |                                                      |                                                  |                 |
|     | Đập dâng Đắc Thành          | Đắc Sôr                |                                                       |                      | 0,20                                                                      | 0,20                                        | -          |                                                      |                                                  |                 |
|     | Đập dâng Quảng Hà           | Đắc Sôr                |                                                       |                      | 0,35                                                                      | 0,25                                        | 0,10       |                                                      |                                                  |                 |
| III | Huyện Đắc Mil               |                        | 20.782,070                                            |                      |                                                                           |                                             | -          | 9.173,754                                            | 44,14                                            |                 |
| 1   | Hồ Đắc Săk                  | Đức Minh               | 6.885,000                                             | Tự do                | -5,15                                                                     | -5,11                                       | - 0,04     | 2.340,900                                            | 34                                               |                 |
| 2   | Hồ Tây                      | TT Đắc Mil             | 2.830,480                                             | Tự do                | -1,85                                                                     | -1,90                                       | 0,05       | 1.358,630                                            | 48                                               |                 |
| 3   | Hồ Vạn Xuân                 | TT Đắc Mil             | 35,000                                                | Tự do                | -1,30                                                                     | -1,35                                       | 0,05       | 13,650                                               | 39                                               | So với đáy cống |
| 4   | Hồ Núi lửa                  | Thuận An               | 612,500                                               | Tự do                | -3,25                                                                     | -3,20                                       | - 0,05     | 79,625                                               | 13                                               |                 |
| 5   | Đập Đắc Puer                | Thuận An               | 350,000                                               | Cửa van              | -3,70                                                                     | -3,70                                       | -          | 52,500                                               | 15                                               |                 |
| 6   | Đập Đắc Goun thượng         | Thuận An               | 498,000                                               | Cửa van              | -3,87                                                                     | -3,92                                       | 0,05       | 89,640                                               | 18                                               |                 |
| 7   | Đập Yok Lom                 | Thuận An               | 513,960                                               | Tự do                | -2,05                                                                     | -2,05                                       | -          | 303,236                                              | 59                                               |                 |
| 8   | Đập Sapa                    | Thuận An               | 45,000                                                | Tự do                | 0,00                                                                      | -0,30                                       | 0,30       | 45,000                                               | 100                                              |                 |
| 9   | Hồ Bu Đắc                   | Thuận An               | 475,000                                               | Tự do                | -1,35                                                                     | -1,45                                       | 0,10       | 294,500                                              | 62                                               |                 |
| 10  | Nông trường Thuận An        | Thuận An               | 315,000                                               | Tự do                | <MNC                                                                      | <MNC                                        |            | 9,450                                                | 3                                                |                 |
| 11  | Lâm trường Thuận An         | Thuận An               | 285,000                                               | Tự do                | -1,95                                                                     | -1,95                                       | -          | 151,050                                              | 53                                               |                 |
| 12  | Hồ Đội 2                    | Thuận An               | 288,000                                               | Tự do                | -0,50                                                                     | -0,55                                       | 0,05       | 230,400                                              | 80                                               |                 |
| 13  | Đập ông Truyền              | Đức Minh               | 30,000                                                | Tự do                | Hết nước                                                                  | Hết nước                                    |            | 0,900                                                | 3                                                |                 |
| 14  | Đập Ông Hiến                | Đức Minh               | 30,000                                                | Tự do                | <MNC                                                                      | <MNC                                        |            | 5,400                                                | 18                                               |                 |
| 15  | Hồ Jun Juh                  | Đức Minh               | 618,680                                               | Cửa van              | -1,45                                                                     | -1,50                                       | 0,05       | 247,472                                              | 40                                               |                 |
| 16  | Hồ Đắc NDrót                | Đắc N'DRót             | 220,000                                               | Tự do                | Hết nước                                                                  | Hết nước                                    |            | 22,000                                               | 10                                               |                 |
| 17  | Hồ Đắc Rla                  | Đắc N'DRót             | 165,000                                               | Tự do                | -3,70                                                                     | -3,70                                       | -          | 29,700                                               | 18                                               |                 |
| 18  | Công trình Đắc Goun         | Đắc N'DRót             | 192,300                                               | Cửa van              | Hết nước                                                                  | Hết nước                                    |            | 34,61                                                | 18                                               |                 |
| 19  | Công trình hồ Đắc Sai       | Đắc Lao                | 133,400                                               | Cửa van              | Hết nước                                                                  | Hết nước                                    |            | 18,676                                               | 14                                               |                 |
| 20  | Công trình hồ Đắc Mбай      | Đắc Lao                | 91,600                                                | Cửa van              | Hết nước                                                                  | Hết nước                                    |            | 1,832                                                | 2                                                |                 |
| 21  | Công trình hồ Đắc Louu      | Đắc Lao                | 40,000                                                | Tự do                | Hết nước                                                                  | Hết nước                                    |            |                                                      |                                                  |                 |
| 22  | Hồ Đắc Ken (6B)             | Đắc Lao                | 30,000                                                | Tự do                | -1,40                                                                     | -1,60                                       |            | 6,600                                                | 22                                               |                 |
| 23  | Công trình Đô Ry I          | Đắc Rla                | 283,500                                               | Cửa van              | -2,70                                                                     | -2,70                                       | -          | 144,585                                              | 51                                               |                 |
| 24  | CTTL Đô Ry II               | Đắc Rla                | 1.314,050                                             | Cửa van              | -5,20                                                                     | -5,00                                       | - 0,20     | 630,744                                              | 48                                               |                 |
| 25  | Công trình Đắc Láp          | Đắc Găn                | 165,000                                               | Tự do                | Hết nước                                                                  | Hết nước                                    |            | 6,600                                                | 4                                                |                 |
| 26  | Đắc Găn                     | Đắc Găn                | 61,250                                                | Tự do                | Hết nước                                                                  | Hết nước                                    |            | 4,288                                                | 7                                                |                 |
| 27  | Thọ Hoàng                   | Đắc Săk                | 10,000                                                | Tự do                | 0,05                                                                      | 0,01                                        | 0,04       | 10,000                                               | 100                                              |                 |
| 28  | Hồ E29                      | Đắc Săk                | 720,000                                               | Tự do                | 0,01                                                                      | 0,00                                        | 0,01       | 720,000                                              | 100                                              |                 |
| 29  | Thủy lợi Mạnh Tiến          | Đức Mạnh               | 50,000                                                | Cửa van              | -1,70                                                                     | -1,70                                       | -          | 5,000                                                | 10                                               |                 |
| 30  | Hồ Thác Hôn                 | Đức Mạnh               | 1.275,000                                             | Tự do                | -4,15                                                                     | -4,15                                       | -          | 726,750                                              | 57                                               |                 |
| 31  | Hồ Đội 1                    | Đắc Lao                | 600,000                                               | Tự do                | -0,50                                                                     | -0,65                                       | 0,15       | 504,000                                              | 84                                               |                 |
| 32  | Hồ Đội 35                   | Đắc Lao                | 110,000                                               | Tự do                | -1,10                                                                     | -1,48                                       | 0,38       | 77,000                                               | 70                                               |                 |
| 33  | Hồ Đội 40                   | Đắc Lao                | 102,000                                               | Tự do                | -2,53                                                                     | -2,73                                       | 0,20       | 14,280                                               | 14                                               |                 |
| 34  | Hồ Bắc Sơn 1                | Đắc Găn                | 1.286,600                                             |                      | -2,53                                                                     | -2,34                                       | - 0,19     | 990,682                                              | 77                                               |                 |
| 35  | Hồ Đội 3                    | Đức Mạnh               | 7,500                                                 |                      | Hết nước                                                                  | Hết nước                                    |            |                                                      |                                                  |                 |

| TT | Công trình/ Khu tưới       | Địa điểm xây dựng (xã) | Dung tích toàn phần (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Hình thức tràn xả lũ | Mức nước (m)                                                              |                                             |            | Dung tích                                            |                                                  | Ghi chú |
|----|----------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|    |                            |                        |                                                       |                      | So với MNDBT (hồ) hoặc MNTK (trạm bơm) thời điểm ngày cập nhật: 24/5/2019 | Mức nước thời điểm lần trước ngày 22/5/2019 | Chênh lệch | Dung tích hiện tại (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%) |         |
| 36 | Hồ Ông Đăng                | Đức Mạnh               | 15,750                                                |                      | <MNC                                                                      | Hết nước                                    |            |                                                      |                                                  |         |
| 37 | Hồ Đồi 4                   | Thuận An               | 15,000                                                |                      | -1,45                                                                     | -1,50                                       | 0,05       | 4,050                                                | 27                                               |         |
| 38 | Hồ Táng Gia                | Đắk Lao                | 82,500                                                |                      | Hết nước                                                                  | Hết nước                                    |            |                                                      |                                                  |         |
| 39 | Đập HTX Mạnh Thắng (Y ren) | Đức Mạnh               |                                                       |                      |                                                                           |                                             | -          |                                                      |                                                  |         |
| 40 | Đập Ông Hứa                | Đức Mạnh               |                                                       |                      |                                                                           |                                             | -          |                                                      |                                                  |         |
| IV | Huyện Đắk Song             |                        | 13.540,000                                            |                      |                                                                           |                                             | -          | 8.899,920                                            | 65,73                                            |         |
| 1  | Hồ Sinh Muồng              | Thuận Hạnh             | 1.431,000                                             | Tự do                | -1,47                                                                     | -1,47                                       | -          | 901,530                                              | 63                                               |         |
| 2  | CTTL Đắk Kuál              | Đắk NĐrưng             | 1.261,000                                             | Cửa van              | -1,35                                                                     | -1,35                                       | -          | 1.008,800                                            | 80                                               |         |
| 3  | Hồ Cư Prông                | Đắk Mol                | 115,000                                               | Tràn giềng           | -2,00                                                                     | -2,00                                       | -          | 69,000                                               | 60                                               |         |
| 4  | Hồ Đắk Mol                 | Đắk Mol                | 759,000                                               | Tự do                | -1,68                                                                     | -1,70                                       | 0,02       | 409,860                                              | 54                                               |         |
| 5  | Hồ Đắk Mruông              | TT Đức An              | 189,000                                               | Tràn giềng           | -4,90                                                                     | -4,90                                       | -          | 13,230                                               | 7                                                |         |
| 6  | Hồ Suối Đá                 | Đắk NĐrưng             | 252,000                                               | Tự do                | -1,60                                                                     | -1,60                                       | -          | 138,600                                              | 55                                               |         |
| 7  | Hồ Thôn 7 (Bu Bong)        | Đắk NĐrưng             | 120,000                                               | Tự do                | Hết nước                                                                  | Hết nước                                    |            |                                                      |                                                  |         |
| 8  | Hồ Đắk Mrung               | Thuận Hạnh             | 480,000                                               | Tự do                | -1,85                                                                     | -1,85                                       | -          | 86,400                                               | 18                                               |         |
| 9  | Hồ Thôn 2 (Trường Xuân)    | Trường Xuân            | 550,000                                               | Tràn giềng           | -2,20                                                                     | -2,20                                       | -          | 297,000                                              | 54                                               |         |
|    | Đập Dăng Y Oanh            | Đắk Mol                |                                                       |                      |                                                                           |                                             |            |                                                      |                                                  |         |
| 10 | CTTL Đắk Rlon              | TT Đức An              | 908,000                                               | Cửa van              | -1,40                                                                     | -1,40                                       | -          | 762,720                                              | 84                                               |         |
| 11 | CTTL Đắk Lép               | Năm N'Jang             | 674,000                                               | Tự do                | -1,85                                                                     | -1,85                                       | -          | 505,500                                              | 75                                               |         |
| 12 | Thủy lợi Năm N'Jang        | Năm N'Jang             | 564,000                                               | Cửa van              | -0,30                                                                     | -0,30                                       | -          | 524,520                                              | 93                                               |         |
| 13 | Hồ Đắk Pông Bê             | Đắk NĐrưng             | 749,000                                               | Tự do                | -2,20                                                                     | -2,40                                       | 0,20       | 516,810                                              | 69                                               |         |
| 14 | Hồ Thôn 5                  | Đắk NĐrưng             | 702,000                                               | Cửa van              | -1,00                                                                     | -1,00                                       | -          | 351,000                                              | 50                                               |         |
| 15 | Hồ Thôn 2                  | Đắk NĐrưng             | 145,000                                               | Tự do                | -0,10                                                                     | -0,10                                       | -          | 134,850                                              | 93                                               |         |
| 16 | Hồ Thuận Tân               | Thuận Hạnh             | 290,000                                               | Tự do                | -1,20                                                                     | -1,20                                       | -          | 237,800                                              | 82                                               |         |
| 17 | Hồ Thuận Thành             | Thuận Hạnh             | 743,000                                               | Cửa van              | -2,45                                                                     | -2,45                                       | -          | 512,670                                              | 69                                               |         |
| 18 | Hồ Thôn 3                  | Trường Xuân            | 250,000                                               | Tự do                | -2,20                                                                     | -2,20                                       | -          | 152,500                                              | 61                                               |         |
| 19 | Đập Đắk Nhai               | Trường Xuân            | 1.065,000                                             | Tự do                | -2,20                                                                     | -2,20                                       | -          | 777,450                                              | 73                                               |         |
| 20 | CTTL Đắk Cai               | Trường Xuân            | 274,000                                               | Tự do                | -2,00                                                                     | -2,00                                       | -          | 167,140                                              | 61                                               |         |
| 21 | Hồ Đắk Toa                 | Thuận Hà               | 2.019,000                                             | Tự do                | -2,00                                                                     | -2,00                                       | -          | 1.332,540                                            | 66                                               |         |
| 22 | CTTL Sơ Re                 | Đắk NĐrưng             |                                                       |                      | -2,10                                                                     | -2,00                                       | - 0,10     |                                                      |                                                  |         |
| 23 | CTTL Dăng D'ri             | Đắk NĐrưng             |                                                       |                      | 0,05                                                                      | 0,05                                        | -          |                                                      |                                                  |         |
| 24 | CTTL Đắk kuál 5            | Đắk NĐrưng             |                                                       |                      | -1,80                                                                     | -1,80                                       | -          |                                                      |                                                  |         |
| 25 | CTTL 661                   | Thuận Hạnh             |                                                       |                      | -1,20                                                                     | -1,20                                       | -          |                                                      |                                                  |         |
| 26 | Đập Thôn 10                | Đắk NĐrưng             |                                                       |                      |                                                                           |                                             |            |                                                      |                                                  |         |
| V  | Thị xã Gia Nghĩa           |                        | 7.831,100                                             |                      |                                                                           |                                             |            | 5.794,070                                            | 73,99                                            |         |
| 1  | Hồ Nam Dạ                  | Đắk Nia                | 1.082,000                                             | Tự do                | -1,50                                                                     | -1,50                                       | -          | 854,78                                               | 79                                               |         |
| 2  | Hồ Chế Biên                | Đắk Nia                | 690,000                                               | Tự do                | -1,20                                                                     | -1,20                                       | -          | 552,00                                               | 80                                               |         |
| 3  | Hồ Fai Kól Pư Đàng         | Đắk Nia                | 501,000                                               | Tự do                | -0,90                                                                     | -0,90                                       | -          | 250,50                                               | 50                                               |         |
| 4  | Hồ Đắk Noh (Đắk Đỏ)        | Đắk Nia                | 427,000                                               | Tự do                | -1,20                                                                     | -1,20                                       | -          | 354,41                                               | 83                                               |         |
| 5  | Hồ Đắk Cút                 | Đắk Nia                | 790,100                                               | Tự do                | -2,20                                                                     | -2,20                                       | -          | 553,07                                               | 70                                               |         |
| 6  | Hồ Thôn 2B                 | Đắk Nia                | 413,000                                               | Tự do                | -0,90                                                                     | -0,90                                       | -          | 334,53                                               | 81                                               |         |
| 7  | Hồ Đắk Rial                | Đắk Nia                | 306,000                                               | Tự do                | -0,95                                                                     | -0,95                                       | -          | 174,42                                               | 57                                               |         |
| 8  | Hồ Rẫy Mới                 | Quảng Thành            | 575,000                                               | Tự do                | -3,00                                                                     | -3,00                                       | -          | 241,50                                               | 42                                               |         |
| 9  | Hồ Tân Hiệp 1              | Đắk R'moan             | 775,000                                               | Tự do                | -0,80                                                                     | -0,80                                       | -          | 728,50                                               | 94                                               |         |
| 10 | Hồ Thủy lợi Nghĩa Phú      | Nghĩa Phú              | 69,000                                                | Tự do                | -3,00                                                                     | -3,00                                       | -          | 8,28                                                 | 12                                               |         |
| 11 | Hồ Sinh Ba                 | Nghĩa Trung            | 604,000                                               | Cửa van              | 0,08                                                                      | 0,08                                        | -          | 604,00                                               | 100                                              |         |
| 12 | Hồ Tô 5                    | Nghĩa Trung            | 650,000                                               | Tự do                | -1,00                                                                     | -1,00                                       | -          | 617,50                                               | 95                                               |         |
| 13 | Hồ Tô 6                    | Nghĩa Trung            | 305,000                                               | Tự do                | -0,90                                                                     | -0,90                                       | -          | 250,10                                               | 82                                               |         |
| 14 | Hồ Đắk Nút                 | Nghĩa Đức              | 644,000                                               | Tự do                | -2,50                                                                     | -2,50                                       | -          | 270,48                                               | 42                                               |         |
| 15 | Hồ Tô 3                    | Nghĩa Phú              |                                                       | Tự do                | -0,60                                                                     | -0,60                                       | -          |                                                      |                                                  |         |
| VI | Huyện Đắk GLong            |                        | 14.695,000                                            |                      |                                                                           |                                             |            | 10.972,580                                           | 74,67                                            |         |
| 1  | Hồ Thủy Điện               | Quảng Sơn              | 1.200,000                                             | Tự do                | 0,22                                                                      | 0,22                                        | -          | 1.200,00                                             | 100                                              |         |
| 2  | Hồ Công ty 847             | Quảng Sơn              | 1.098,000                                             | Tự do                | -0,89                                                                     | -0,80                                       | - 0,09     | 944,28                                               | 86                                               |         |
| 3  | Hồ Đèo 52                  | Quảng Sơn              | 240,000                                               | Tự do                | -4,00                                                                     | -4,10                                       | 0,10       | 19,20                                                | 8                                                |         |
| 4  | Hồ Đắk Snao 1 (Hồ 882A)    | Quảng Sơn              | 620,000                                               | Tự do                | -1,70                                                                     | -1,80                                       | 0,10       | 427,80                                               | 69                                               |         |
| 5  | Hồ Đắk Snao 2 (Hồ 882B)    | Quảng Sơn              | 143,000                                               | Tự do                | -1,35                                                                     | -1,40                                       | 0,05       | 104,39                                               | 73                                               |         |
| 6  | Hồ Đắk Snao 3              | Quảng Sơn              | 710,000                                               | Tự do                | 0,00                                                                      | 0,00                                        | -          | 710,00                                               | 100                                              |         |
| 7  | Hồ Thôn 3B Bon Sa Na       | Quảng Sơn              | 626,000                                               | Tự do                | -1,72                                                                     | -1,80                                       | 0,08       | 331,78                                               | 53                                               |         |
| 8  | Thủy lợi Đắk N'der 2       | Quảng Sơn              | 487,000                                               | Tự do                | -1,40                                                                     | -1,40                                       | -          | 228,89                                               | 47                                               |         |
| 9  | Hồ Km 41                   | Quảng Sơn              | 370,000                                               | Tự do                | -0,25                                                                     | -0,25                                       | -          | 329,30                                               | 89                                               |         |
| 10 | Hồ Ba Trong                | Quảng Sơn              | 260,000                                               | Tự do                | -0,75                                                                     | -0,70                                       | - 0,05     | 215,80                                               | 83                                               |         |
| 11 | Thôn 2                     | Quảng Sơn              |                                                       | Tự do                | -1,60                                                                     | -1,60                                       | -          |                                                      |                                                  |         |
| 12 | Thôn 3B                    | Quảng Sơn              |                                                       | Tự do                | -0,87                                                                     | -0,95                                       | 0,08       |                                                      |                                                  |         |
| 13 | Thôn 3A + 3B               | Quảng Sơn              |                                                       | Tự do                | -1,05                                                                     | -1,15                                       | 0,10       |                                                      |                                                  |         |
| 14 | Đắk Pin                    | Quảng Sơn              |                                                       | Tự do                | -0,45                                                                     | -0,60                                       | 0,15       |                                                      |                                                  |         |
| 15 | Đắk Spin                   | Quảng Sơn              |                                                       | Tự do                | -1,30                                                                     | -1,40                                       | 0,10       |                                                      |                                                  |         |
| 16 | Hồ Đắk Hlang               | Quảng Khê              | 544,000                                               | Tự do                | -1,84                                                                     | -1,82                                       | - 0,02     | 326,40                                               | 60                                               |         |
| 17 | Hồ Trường Học              | Quảng Khê              | 215,000                                               | Tự do                | 0,00                                                                      | 0,00                                        | -          | 215,00                                               | 100                                              |         |
| 18 | Thủy lợi Nao Ma A          | Quảng Khê              | 569,000                                               | Tự do                | -1,15                                                                     | -1,20                                       | 0,05       | 455,20                                               | 80                                               |         |
| 19 | Hồ Thôn 2 (Nao Kon Dơi)    | Quảng Khê              | 413,000                                               | Tự do                | -0,60                                                                     | -0,70                                       | 0,10       | 309,75                                               | 75                                               |         |
| 20 | Hồ Thôn 4                  | Quảng Khê              | 356,000                                               | Tự do                | -1,82                                                                     | -1,80                                       | - 0,02     | 217,16                                               | 61                                               |         |
| 21 | Hồ Đắk Srê                 | Quảng Khê              | 902,000                                               | Tự do                | -2,16                                                                     | -2,14                                       | - 0,02     | 396,88                                               | 44                                               |         |
| 22 | Hồ Thôn 3                  | Quảng Khê              | 250,000                                               | Tự do                | -1,84                                                                     | -1,82                                       | - 0,02     | 230,00                                               | 92                                               |         |
| 23 | Đắk N'Jer                  | Quảng Khê              | 414,000                                               | Tự do                | -1,10                                                                     | -1,10                                       | -          | 339,48                                               | 82                                               |         |
| 24 | Bas Rai                    | Quảng Khê              | 750,000                                               | Tự do                | -1,48                                                                     | -1,48                                       | -          | 630,00                                               | 84                                               |         |
| 25 | Cầu đường                  | Quảng Khê              |                                                       | Tự do                | -0,95                                                                     | -0,70                                       | - 0,25     |                                                      |                                                  |         |
| 26 | Đắk Mbuoch                 | Quảng Khê              |                                                       | Tự do                | -0,09                                                                     | -0,10                                       | 0,01       |                                                      |                                                  |         |
| 27 | Lâm trường (Thôn 5)        | Quảng Khê              |                                                       | Tự do                | -1,40                                                                     | -1,45                                       | 0,05       |                                                      |                                                  |         |
| 28 | Hồ Bì Zê Rê                | Đắk Som                | 390,000                                               | Tự do                | -1,23                                                                     | -1,23                                       | -          | 300,30                                               | 77                                               |         |
| 29 | Hồ B'Dong                  | Đắk Som                | 520,000                                               | Tự do                | 0,00                                                                      | 0,00                                        | -          | 520,00                                               | 100                                              |         |
| 30 | Thủy lợi Thôn 5            | Đắk Som                | 253,000                                               | Tự do                | -4,00                                                                     | -3,90                                       | - 0,10     | 80,96                                                | 32                                               |         |
| 31 | Hồ Chum Ia                 | Đắk Som                | 700,000                                               | Tự do                | -0,20                                                                     | -0,30                                       | 0,10       | 679,00                                               | 97                                               |         |
| 32 | Bon B'srê B                | Đắk Som                |                                                       | Tự do                | 0,03                                                                      | 0,02                                        | 0,01       |                                                      |                                                  |         |
| 33 | Hồ Thôn 1                  | Đắk Ha                 | 72,000                                                | Tự do                | -2,30                                                                     | -2,35                                       | 0,05       | 37,44                                                | 52                                               |         |
| 34 | Hồ Đắk Bông                | Đắk Ha                 | 170,000                                               | Tự do                | -3,30                                                                     | -3,35                                       | 0,05       | 64,60                                                | 38                                               |         |
| 35 | Hồ Đắk Ha                  | Đắk Ha                 | 689,000                                               | Tự do                | -2,20                                                                     | -2,25                                       | 0,05       | 344,50                                               | 50                                               |         |
| 36 | Hồ Đắk R'Tiêng             | Đắk Ha                 | 169,000                                               | Tự do                | -1,65                                                                     | -1,65                                       | -          | 114,92                                               | 68                                               |         |
| 37 | Hồ Trảng Ba                | Đắk Ha                 | 270,000                                               | Tự do                | -4,75                                                                     | -4,75                                       | -          | 54,00                                                | 20                                               |         |
| 38 | Ea Nung                    | Đắk Ha                 |                                                       | Tự do                | -2,45                                                                     | -2,45                                       | -          |                                                      |                                                  |         |
| 39 | Đắk Pruh                   | Đắk Ha                 |                                                       | Tự do                | -0,20                                                                     | -0,20                                       | -          |                                                      |                                                  |         |
| 40 | Hồ Đắk Snao                | Đắk R'mang             | 595,000                                               | Tự do                | -0,28                                                                     | -0,35                                       | 0,07       | 529,55                                               | 89                                               |         |
| 41 | Hồ Đa Hạng Lang            | Đắk R'mang             | 700,000                                               | Tự do                | -1,05                                                                     | -1,14                                       | 0,09       | 616,00                                               | 88                                               |         |

| TT   | Công trình/ Khu tưới    | Địa điểm xây dựng (xã) | Dung tích toàn phần (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Hình thức tràn xả lũ | Mức nước (m)                                                              |                                             |            | Dung tích                                            |                                                  | Ghi chú |
|------|-------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|      |                         |                        |                                                       |                      | So với MNDBT (hồ) hoặc MNTK (trạm bơm) thời điểm ngày cập nhật: 24/5/2019 | Mức nước thời điểm lần trước ngày 22/5/2019 | Chênh lệch | Dung tích hiện tại (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%) |         |
| 42   | Số 1                    | Đắk P'lao              |                                                       | Tự do                | -0,03                                                                     | -0,03                                       | -          |                                                      |                                                  |         |
| 43   | Số 2                    | Đắk P'lao              |                                                       | Tự do                | -0,01                                                                     | -0,01                                       | -          |                                                      |                                                  |         |
| 44   | Số 3                    | Đắk P'lao              |                                                       | Tự do                | -0,33                                                                     | -0,30                                       | - 0,03     |                                                      |                                                  |         |
| 45   | Thôn 2                  | Đắk P'lao              |                                                       | Tự do                | -1,35                                                                     | -1,34                                       | - 0,01     |                                                      |                                                  |         |
| VII  | Huyện Đắk RLấp          |                        | 29.238,000                                            |                      |                                                                           |                                             |            | 22.708,410                                           | 77,67                                            |         |
| 1    | Hồ Đắk BLao             | TT Kiến Đức            | 288,000                                               | Tự do                | -0,60                                                                     | -0,55                                       | - 0,05     | 236,160                                              | 82                                               |         |
| 2    | Thủy lợi Da Dung        | TT Kiến Đức            | 289,000                                               | Tự do                | -1,15                                                                     | -1,10                                       | - 0,05     | 242,760                                              | 84                                               |         |
| 3    | Hồ Sa Da Co             | Quảng Tín              | 300,000                                               | Tự do                | -1,70                                                                     | -1,70                                       |            | 186,000                                              | 62                                               |         |
| 4    | Hồ Thôn 9               | Quảng Tín              | 517,000                                               | Tự do                | -2,40                                                                     | -2,60                                       | 0,20       | 232,650                                              | 45                                               |         |
| 5    | Thủy lợi Đắk Xá         | Quảng Tín              | 408,000                                               | Tự do                | -3,30                                                                     | -3,40                                       | 0,10       | 93,840                                               | 23                                               |         |
| 6    | Thủy lợi Bầu Muối       | Nhân Đạo               | 1.183,000                                             | Tự do                | -0,50                                                                     | -0,50                                       | -          | 1.076,530                                            | 91                                               |         |
| 7    | Hồ Đắk Nêr              | Nhân Đạo               | 990,000                                               | Tự do                | -0,25                                                                     | -0,25                                       | -          | 930,600                                              | 94                                               |         |
| 8    | Hồ Đắk R'Mur            | Nhân Đạo               | 971,000                                               | Tự do                | -2,10                                                                     | -2,10                                       | -          | 660,280                                              | 68                                               |         |
| 9    | Hồ Đắk R'Sung           | Nhân Đạo               | 651,000                                               | Tự do                | -0,25                                                                     | -0,25                                       | -          | 598,920                                              | 92                                               |         |
| 10   | Hồ Bon Pì Nao           | Nhân Đạo               | 917,000                                               | Tự do                | -0,90                                                                     | -0,90                                       | -          | 715,260                                              | 78                                               |         |
| 11   | Hồ Nhân Cơ              | Nhân Cơ                | 1.104,000                                             | Cửa van              | -0,90                                                                     | -0,90                                       | -          | 916,320                                              | 83                                               |         |
| 12   | Hồ Thôn 11              | Nhân Cơ                | 461,000                                               | Tự do                | -0,35                                                                     | -0,40                                       | 0,05       | 433,340                                              | 94                                               |         |
| 13   | Hồ Thôn 12              | Nhân Cơ                | 765,000                                               | Tự do                | -0,35                                                                     | -0,40                                       | 0,05       | 719,100                                              | 94                                               |         |
| 14   | Hồ Cầu Tư               | Nghĩa Thắng            | 8.090,000                                             | Tự do                | -4,55                                                                     | -4,45                                       | - 0,10     | 5.582,100                                            | 69                                               |         |
| 15   | Hồ Đắk R'Tang           | Kiến Thành             | 1.520,000                                             | Tự do                | 0,40                                                                      | 0,40                                        | -          | 1.520,000                                            | 100                                              |         |
| 16   | Hồ Thôn 9 (Kiến Thành)  | Kiến Thành             | 610,000                                               | Tự do                | -0,50                                                                     | -0,50                                       | -          | 536,800                                              | 88                                               |         |
| 17   | Đắk Jeng Tung           | Kiến Thành             | 172,000                                               | Cửa van              | -0,60                                                                     | -1,20                                       | 0,60       | 139,320                                              | 81                                               |         |
| 18   | Hồ Đắk Tắt              | Hưng Bình              | 733,000                                               | Tự do                | -0,60                                                                     | -0,60                                       | -          | 593,730                                              | 81                                               |         |
| 19   | Đập thôn 8 Đắk Sín      | Hưng Bình              | 418,000                                               | Cửa van              | -1,10                                                                     | -1,10                                       | -          | 275,880                                              | 66                                               |         |
| 20   | Đập Quảng Lọc           | Đạo Nghĩa              | 1.103,000                                             | Tự do                | -0,60                                                                     | -0,65                                       | 0,05       | 959,610                                              | 87                                               |         |
| 21   | Hồ Đắk Cồn              | Đạo Nghĩa              | 728,000                                               | Tự do                | -0,60                                                                     | -0,65                                       | 0,05       | 618,800                                              | 85                                               |         |
| 22   | Đập Đắk Krung           | Đắk Wer                | 532,000                                               | Tự do                | -0,35                                                                     | -0,45                                       | 0,10       | 430,920                                              | 81                                               |         |
| 23   | Hồ Thôn 2 (Đắk Sín)     | Đắk Sín                | 1.213,000                                             | Cửa van              | -0,95                                                                     | -0,95                                       | -          | 921,880                                              | 76                                               |         |
| 24   | Hồ Đắk Sinh (Hồ Thôn 5) | Đắk Sín                | 959,000                                               | Tự do                | -0,30                                                                     | -0,25                                       | - 0,05     | 939,820                                              | 98                                               |         |
| 25   | Hồ Thôn 5               | Đắk Sín                | 702,000                                               | Tự do                | -0,75                                                                     | -0,75                                       | -          | 624,780                                              | 89                                               |         |
| 26   | Đập Thôn 5              | Đắk Sín                | 745,000                                               | Tự do                | -0,80                                                                     | -0,85                                       | 0,05       | 648,150                                              | 87                                               |         |
| 27   | Hồ Đắk Sín              | Đắk Sín                | 651,000                                               | Tự do                | -0,55                                                                     | -0,60                                       | 0,05       | 553,350                                              | 85                                               |         |
| 28   | Hồ Đắk Ru I             | Đắk Ru                 | 332,000                                               | Tự do                | -0,30                                                                     | 0,30                                        | - 0,60     | 332,000                                              | 100                                              |         |
| 29   | Hồ Đắk Ru II            | Đắk Ru                 | 459,000                                               | Tự do                | -1,00                                                                     | -0,80                                       | - 0,20     | 408,510                                              | 89                                               |         |
| 30   | Hồ Thôn 2               | Quảng Tín              | 145,000                                               | Tự do                | -0,50                                                                     | -1,00                                       | 0,50       | 87,000                                               | 60                                               |         |
| 31   | Hồ Số 3                 | Nhân Cơ                | 788,000                                               | Tự do                |                                                                           |                                             | -          |                                                      |                                                  |         |
| 32   | Hồ Bu Ja Rá ☐           | Nghĩa Thắng            | 494,000                                               | Tự do                | 0,08                                                                      | 0,08                                        | -          | 494,000                                              | 100                                              |         |
| VIII | Huyện Tuy Đức           |                        | 14.829,000                                            |                      |                                                                           |                                             |            | 8.388,840                                            | 56,57                                            |         |
| 1    | Hồ Đắk R'Tìh            | Đắk R'Tìh              | 1.808,000                                             | Tự do                | -2,75                                                                     | -2,75                                       | -          | 1.120,960                                            | 62                                               |         |
| 2    | Hồ Đắk Buk So           | Đắk Buk Sor            | 1.081,000                                             | Tự do                | -3,00                                                                     | -3,00                                       | -          | 454,020                                              | 42                                               |         |
| 3    | Hồ Đắk Rĩa              | Đắk R'Tìh              | 1.049,000                                             | Tự do                | -1,30                                                                     | -1,30                                       | -          | 566,460                                              | 54                                               |         |
| 4    | Hồ Đắk Ké               | Quảng Trục             | 313,000                                               | Tự do                | -1,50                                                                     | -1,50                                       | -          | 209,710                                              | 67                                               |         |
| 5    | Hồ Đắk Huýt             | Quảng Trục             | 550,000                                               | Tự do                | <MNC                                                                      | <MNC                                        |            |                                                      |                                                  |         |
| 6    | Hồ Đắk Bliêng           | Đắk R'Tìh              | 1.153,000                                             | Cửa van              | -2,50                                                                     | -2,50                                       | -          |                                                      |                                                  |         |
| 7    | Đập Bon Đắk Bu Lum      | Quảng Trục             | 138,000                                               | Tự do                | -0,90                                                                     | -0,90                                       | -          | 104,880                                              | 76                                               |         |
| 8    | Hồ Đắk Ké 2             | Quảng Trục             | 404,000                                               | Tự do                | -1,80                                                                     | -1,80                                       | -          | 250,480                                              | 62                                               |         |
| 9    | Hồ Thôn 2 (Pu Prăng)    | Quảng Trục             | 133,000                                               | Tự do                | 0,00                                                                      | 0,00                                        | -          | 133,000                                              | 100                                              |         |
| 10   | Hồ Doãn Văn             | Đắk R'Tìh              | 915,000                                               | Tự do                | -1,80                                                                     | -1,80                                       | -          | 393,450                                              | 43                                               |         |
| 11   | Hồ Đắk Bu R'lêy         | Đắk R'Tìh              | 125,000                                               | Tự do                | 0,00                                                                      | 0,00                                        | -          | 125,000                                              | 100                                              |         |
| 12   | Hồ Đắk BLung            | Đắk Buk Sor            | 562,000                                               | Tự do                | -0,90                                                                     | -0,90                                       | -          | 382,160                                              | 68                                               |         |
| 13   | Đập Đắk Glun 1          | Đắk Ngo                | 461,000                                               | Tự do                | -0,45                                                                     | -0,45                                       | -          | 405,680                                              | 88                                               |         |
| 14   | Đập Đắk Glun 2          | Đắk Ngo                | 461,000                                               | Tự do                | -0,35                                                                     | -0,35                                       | -          | 424,120                                              | 92                                               |         |
| 15   | Đập Đắk Glun 3          | Đắk Ngo                | 563,000                                               | Tự do                | -0,60                                                                     | -0,60                                       | -          | 489,810                                              | 87                                               |         |
| 16   | Hồ Đắk R'Mar            | Đắk Buk Sor            | 263,000                                               | Tự do                | -2,00                                                                     | -2,00                                       | -          | 115,720                                              | 44                                               |         |
| 17   | Đập Đắk Huýt 4          | Quảng Trục             | 378,000                                               | Tự do                | -1,20                                                                     | -1,20                                       | -          | 185,220                                              | 49                                               |         |
| 18   | Đập D2                  | Quảng Trục             | 789,000                                               | Tự do                | 0,00                                                                      | 0,00                                        | -          | 789,000                                              | 100                                              |         |
| 19   | Hồ Số 1                 | Đắk Ngo                | 824,000                                               | Tự do                | -0,50                                                                     | -0,50                                       | -          | 758,080                                              | 92                                               |         |
| 20   | Hồ Số 2                 | Đắk Ngo                | 426,000                                               | Tự do                | -0,35                                                                     | -0,35                                       | -          | 391,920                                              | 92                                               |         |
| 21   | Hồ Số 3                 | Đắk Ngo                | 788,000                                               | Tự do                | -0,65                                                                     | -0,65                                       | -          | 228,520                                              | 29                                               |         |
| 22   | Hồ Số 4                 | Đắk Ngo                | 310,000                                               | Tự do                | -0,55                                                                     | -0,55                                       | -          | 179,800                                              | 58                                               |         |
| 23   | Hồ Đắk Tiên Tranh       | Đắk Buk So             | 1.335,000                                             | Tự do                | -3,00                                                                     | -3,00                                       | -          | 680,850                                              | 51                                               |         |
| 24   | Đập Đắk Ngo             | Đắk Ngo                |                                                       |                      | <MNC                                                                      | <MNC                                        |            |                                                      |                                                  |         |
| 25   | Đập bon Pu PRăng        | Quảng Trục             |                                                       |                      | -0,50                                                                     | -0,50                                       | -          |                                                      |                                                  |         |
| 26   | Đập D1                  | Quảng Trục             |                                                       |                      | -1,80                                                                     | -1,80                                       | -          |                                                      |                                                  |         |
| 27   | Hồ Đắk Zên              | Quảng Trục             |                                                       |                      |                                                                           |                                             | -          |                                                      |                                                  |         |
| 28   | Hồ Thôn 2               | Quảng Tâm              |                                                       |                      |                                                                           |                                             | -          |                                                      |                                                  |         |
|      | Đập dâng thôn 2         | Quảng Tân              |                                                       |                      |                                                                           |                                             |            |                                                      |                                                  |         |
|      | Đập dâng Bon Phung      | Quảng Tân              |                                                       |                      |                                                                           |                                             |            |                                                      |                                                  |         |
|      | Đập Dâng Đắk Huýt 2     | Quảng Trục             |                                                       |                      |                                                                           |                                             |            |                                                      |                                                  |         |
|      | Đập Dâng Đắk Huýt 3     | Quảng Trục             |                                                       |                      |                                                                           |                                             |            |                                                      |                                                  |         |
| 192  | TỔNG CỘNG:              |                        | 136.519,670                                           |                      |                                                                           |                                             |            | 75.891,924                                           | 55,59                                            |         |